

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2017
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Trần Văn Đô;**
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông **Trần Văn Bé Hai;**
2. Ông **Phạm Công Lý;**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị K** sinh năm 1975.
Địa chỉ: tổ 21, ấp A, xã B, huyện C, Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh **Võ Văn Nhân E**, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2017; biên bản hòa giải ngày 15/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị K trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị K và anh Nhân E sống chung với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Hai người không ai có ý hàn gắn tình cảm, do không thể tiếp tục cuộc sống vợ

chồng. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh Nhân E.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị D, sinh năm 1994; Võ Thị E, sinh năm 1996 và Võ Thị T, sinh năm 1999. Đối với con chung tên D và E đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con chung tên Võ Thị T hiện nay đang sống với chị K, khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nhân E cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung:** Thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/8/2017 anh Võ Văn Nhân E là bị đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh Nhân E thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng không đăng ký kết hôn như chị K trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau là đúng. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2006 cho đến nay nhưng hai bên không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị D, sinh năm 1994; Võ Thị E, sinh năm 1996 và Võ Thị T, sinh năm 1999. Đối với con chung tên D và E đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con chung tên Võ Thị T hiện nay đang sống với chị K, nay ly hôn anh Nhân E đồng ý để con chung tên T cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nhân E không phải cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung:** Thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Thống nhất không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Bản sao giấy khai sinh con chung tên Võ Thị T, sinh ngày 14/10/1999 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp;

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 15/8/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Cao Thị K có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Nhân E. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án

này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Anh Võ Văn Nhân E là người bị kiện có địa chỉ tại tổ 8, ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Võ Văn Nhân E có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/8/2017. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nhân E.

Trong Quyết định xét xử số 159/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Dương Tấn Lợi, bà Võ Thị Diệp và Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Phạm Phước Tâm, bà Hồ Thị Mai Hương và ông Trần Văn Bé Hai. Tuy nhiên, ông Lợi, bà Diệp, ông Tâm và bà Hương đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Phạm Công Lý để tham gia Hội đồng xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Nhân E thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 1992 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của chị K và anh Nhân E đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*...”. Vì vậy, không công nhận chị Cao Thị K và anh Võ Văn Nhân E là vợ chồng.

- Về con chung: Chị K và anh Nhân E thừa nhận có 03 con chung tên Võ Thị D, sinh năm 1994; Võ Thị E, sinh năm 1996 và Võ Thị T, sinh năm 1999. Căn cứ vào bản tự khai, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị K. Đồng thời, chị K và anh Nhân E thỏa thuận như sau:

Chị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị T, sinh ngày 14/10/1999. Anh Nhân E không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không có yêu cầu.

Anh Nhân E có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Võ Thị D và Võ Thị E đã trưởng thành tự lao động được nên chị K và anh Nhân E thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về tài sản chung: Chị K và anh Nhân E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị K và anh Nhân E trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo Biên lai số 15793 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Cao Thị K và anh Võ Văn Nhân E là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị K và anh Nhân E như sau:

Chị Cao Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị T, sinh ngày 14/10/1999. Anh Nhân E không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không có yêu cầu.

Anh Nhân E có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Võ Thị D và Võ Thị E đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị K và anh Nhân E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị K và anh Nhân E thống nhất không có.

Về án phí: Chị Cao Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 15793 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đô